

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 52 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 146 /TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, với tổng số vốn là 49.142 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 43.885 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 16.205 triệu đồng; vốn sự nghiệp 27.680 triệu đồng).

- Vốn ngân sách địa phương: 4.407 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.621 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.786 triệu đồng), trong đó: vốn ngân sách tỉnh: 324 triệu đồng; vốn ngân sách huyện: 4.083 triệu đồng.

- Vốn huy động ngoài ngân sách: 850 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm).

### **Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách đảm bảo mức vốn đối ứng tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính; LĐ-TB&XH;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Cẩm Đào**



Phụ lục I

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương				Ngân sách địa phương						Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>49.142</b>	<b>43.885</b>	<b>16.205</b>	<b>27.680</b>	<b>324</b>	<b>121</b>	<b>203</b>	<b>4.083</b>	<b>1.500</b>	<b>2.583</b>	<b>850</b>	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	19.000	16.500	15.000	1.500	0	0	0	1.650	1.500	150	850	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	19.000	16.500	15.000	1.500	0	0	0	1.650	1.500	150	850	
1.1	Huyện Kế Sách	19.000	16.500	15.000	1.500	0	0	0	1.650	1.500	150	850	
1.1.1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến cập rạch Sao Sáo bờ bắc (nối tiếp); tuyến từ vàm Cái Cao - ngã ba Bào Càng (nối tiếp); tuyến cập rạch Mật Cật; tuyến Rạch Miếu.	8.500	7.500	7.500	0	0	0	0	750	750		250	

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương				Ngân sách địa phương						Vốn huy động	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT		Vốn sự nghiệp			
1.1.2	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Mỹ, Đường cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Bắc) A31, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàng (Bờ Bắc) A35, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàng (Bờ Nam) A36, Đường Cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Nam) A32	8.850	7.500	7.500	0	0	0	0	750	750	600			
1.1.3	Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	1.650	1.500	0	1.500	0	0	0	150	150				
II	<b>Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>10.078</b>	<b>9.161</b>		<b>9.161</b>	0	0	0	917	0	917			
1	Thành phố Sóc Trăng	724	658		658	0	0	0	66		66			
2	Thị xã Vĩnh Châu	1.159	1.053		1.053	0	0	0	106		106			
3	Thị xã Ngã Năm	863	784		784	0	0	0	79		79			
4	Huyện Thạnh Trị	1.014	922		922	0	0	0	92		92			

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Vốn huy động	Ghi chú		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương								
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số			Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện	
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT				Vốn sự nghiệp	
5	Huyện Mỹ Xuyên	796	724		724	0	0	0	72		72			
6	Huyện Mỹ Tú	930	845		845	0	0	0	85		85			
7	Huyện Châu Thành	663	603		603	0	0	0	60		60			
8	Huyện Kế Sách	1.449	1.317		1.317	0	0	0	132		132			
9	Huyện Cù Lao Dung	597	543		543	0	0	0	54		54			
10	Huyện Long Phú	1.014	922		922	0	0	0	92		92			
11	Huyện Trần Đề	869	790		790	0	0	0	79		79			
III	<b>Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>4.363</b>	<b>3.964</b>	<b>0</b>	<b>3.964</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	391	0	391			
1	<b>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</b>	<b>4.363</b>	<b>3.964</b>	<b>0</b>	<b>3.964</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>391</b>	<b>0</b>	<b>391</b>			
1,1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88	80		80	8	0	8	0					
2	Thành phố Sóc Trăng	308	280		280	0	0	0	28		28			
3	Thị xã Vĩnh Châu	491	446		446	0	0	0	45		45			
4	Thị xã Ngã Năm	366	333		333	0	0	0	33		33			
5	Huyện Thạnh Trị	430	390		390	0	0	0	40		40			

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
6	Huyện Mỹ Xuyên	339	308		308	0	0	0	31		31		
7	Huyện Mỹ Tú	394	358		358	0	0	0	36		36		
8	Huyện Châu Thành	282	256		256	0	0	0	26		26		
9	Huyện Kế Sách	614	558		558	0	0	0	56		56		
10	Huyện Cù Lao Dung	253	230		230	0	0	0	23		23		
11	Huyện Long Phú	429	390		390	0	0	0	39		39		
12	Huyện Trần Đề	369	335		335	0	0	0	34		34		
IV	<b>Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>10.742</b>	<b>9.759</b>	<b>1.205</b>	<b>8.554</b>	213	121	92	770	0	770		
1	<b>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>	<b>6.033</b>	<b>5.483</b>		<b>5.483</b>	0	0	0	550	0	550		
1.1	Thành phố Sóc Trăng	501	455		455	0	0	0	46		46		
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	606	551		551	0	0	0	55		55		
1.3	Thị xã Ngã Năm	546	496		496	0	0	0	50		50		
1.4	Huyện Thạnh Trị	591	537		537	0	0	0	54		54		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	530	482		482	0	0	0	48		48		
1.6	Huyện Mỹ Tú	561	510		510	0	0	0	51		51		

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
1.7	Huyện Châu Thành	484	440		440	0	0	0	44		44		
1.8	Huyện Kế Sách	637	579		579	0	0	0	58		58		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	470	427		427	0	0	0	43		43		
1.10	Huyện Long Phú	561	510		510	0	0	0	51		51		
1.11	Huyện Trần Đề	546	496		496	0	0	0	50		50		
<b>2</b>	<b>Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b>	<b>70</b>	<b>63</b>		<b>63</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>		
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11	10		10	1	0	1	0	0	0		
2.2	Huyện Kế Sách	59	53		53	0	0	0	6	0	6		
<b>3</b>	<b>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</b>	<b>4.639</b>	<b>4.213</b>	<b>1.205</b>	<b>3.008</b>	212	121	91	214	0	214		
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.318	2.106	1.205	901	212	121	91	0	0	0		
3.1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	121		1.205		121	121	0	0	0	0		

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương				Ngân sách địa phương						Vốn huy động	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT		Vốn sự nghiệp			
3.2	Thành phố Sóc Trăng	153	139		139	0	0	0	14		14			
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	305	277		277	0	0	0	28		28			
3.4	Thị xã Ngã Năm	182	165		165	0	0	0	17		17			
3.5	Huyện Thạnh Trị	196	178		178	0	0	0	18		18			
3.6	Huyện Mỹ Xuyên	209	190		190	0	0	0	19		19			
3.7	Huyện Mỹ Tú	215	195		195	0	0	0	20		20			
3.8	Huyện Châu Thành	193	175		175	0	0	0	18		18			
3.9	Huyện Kế Sách	305	277		277	0	0	0	28		28			
3.10	Huyện Cù Lao Dung	138	125		125	0	0	0	13		13			
3.11	Huyện Long Phú	196	178		178	0	0	0	18		18			
3.12	Huyện Trần Đề	229	208		208	0	0	0	21		21			
V	<b>Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>	<b>766</b>	<b>693</b>		<b>693</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>66</b>			
1	<b>Giảm nghèo về thông tin</b>	<b>341</b>	<b>308</b>		<b>308</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>			
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	33	30		30	3	0	3	0	0	0			





Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Vốn huy động	Ghi chú		
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương								
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số			Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện	
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp
1.2	Thành phố Sóc Trăng	22	20		20	0			2		2			
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	35	32		32	0			3		3			
1.4	Thị xã Ngã Năm	27	24		24	0			3		3			
1.5	Huyện Thạnh Trị	31	28		28	0			3		3			
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	24	22		22	0			2		2			
1.7	Huyện Mỹ Tú	29	26		26	0			3		3			
1.8	Huyện Châu Thành	20	18		18	0			2		2			
1.9	Huyện Kế Sách	44	40		40	0			4		4			
1.10	Huyện Cù Lao Dung	19	17		17	0			2		2			
1.11	Huyện Long Phú	30	27		27	0			3		3			
1.12	Huyện Trần Đề	27	24		24	0			3		3			
<b>2</b>	<b>Truyền thông về giảm nghèo</b>	<b>425</b>	<b>385</b>		<b>385</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>36</b>			
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	42	38		38	4	0	4	0					
2.2	Thành phố Sóc Trăng	28	25		25	0	0	0	3		3			
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	44	40		40	0	0	0	4		4			
2.4	Thị xã Ngã Năm	33	30		30	0	0	0	3		3			
2.5	Huyện Thạnh Trị	39	35		35	0	0	0	4		4			

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện				
Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp								
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	31	28		28	0	0	0	3		3		
2.7	Huyện Mỹ Tú	35	32		32	0	0	0	3		3		
2.8	Huyện Châu Thành	24	22		22	0	0	0	2		2		
2.9	Huyện Kế Sách	55	50		50	0	0	0	5		5		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	22	20		20	0	0	0	2		2		
2.11	Huyện Long Phú	39	35		35	0	0	0	4		4		
2.12	Huyện Trần Đề	33	30		30	0	0	0	3		3		
VI	<b>Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá</b>	<b>4.193</b>	<b>3.808</b>		<b>3.808</b>	<b>96</b>	<b>0</b>	<b>96</b>	<b>289</b>	<b>0</b>	<b>289</b>		
1	<b>Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</b>	<b>2.739</b>	<b>2.488</b>		<b>2.488</b>	<b>63</b>	<b>0</b>	<b>63</b>	<b>188</b>	<b>0</b>	<b>188</b>		
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	685	622		622	63	0	63	0				
1.2	Thành phố Sóc Trăng	148	134		134	0	0	0	14		14		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	237	215		215	0	0	0	22		22		
1.4	Thị xã Ngã Năm	176	160		160	0	0	0	16		16		
1.5	Huyện Thạnh Trị	206	187		187	0	0	0	19		19		

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng số	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện				
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT		Vốn sự nghiệp				
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	162	147		147	0	0	0	15		15		
1.7	Huyện Mỹ Tú	189	172		172	0	0	0	17		17		
1.8	Huyện Châu Thành	135	123		123	0	0	0	12		12		
1.9	Huyện Kế Sách	295	268		268	0	0	0	27		27		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	122	111		111	0	0	0	11		11		
1.11	Huyện Long Phú	207	188		188	0	0	0	19		19		
1.12	Huyện Trần Đề	177	161		161	0	0	0	16		16		
<b>2</b>	<b>Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá</b>	<b>1.454</b>	<b>1.320</b>		<b>1.320</b>	<b>33</b>	<b>0</b>	<b>33</b>	<b>101</b>	<b>0</b>	<b>101</b>		
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	330	300		300	30	0	30	0	0	0		
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	33	30		30	3	0	3	0	0	0		
2.3	Thành phố Sóc Trăng	78	71		71	0	0	0	7		7		
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	126	114		114	0	0	0	12		12		
2.5	Thị xã Ngã Năm	94	85		85	0	0	0	9		9		
2.6	Huyện Thạnh Trị	110	100		100	0	0	0	10		10		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	86	78		78	0	0	0	8		8		
2.8	Huyện Mỹ Tú	101	92		92	0	0	0	9		9		
2.9	Huyện Châu Thành	72	65		65	0	0	0	7		7		

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022										Vốn huy động	Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện				
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp					
2.10	Huyện Kế Sách	156	142		142	0	0	0	14		14		
2.11	Huyện Cù Lao Dung	64	58		58	0	0	0	6		6		
2.12	Huyện Long Phú	110	100		100	0	0	0	10		10		
2.13	Huyện Trần Đề	94	85		85	0	0	0	9		9		

SỐC



**Phụ lục II**

**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2021		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2022					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			14	15	16	17	18	19	
<b>TỔNG CỘNG</b>								<b>32.642</b>	<b>28.902</b>			<b>32.642</b>	<b>28.902</b>	<b>1.390</b>	<b>1.500</b>	<b>850</b>	<b>18.676</b>	<b>16.205</b>	<b>121</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>						<b>17.350</b>	<b>15.000</b>			<b>17.350</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>850</b>	<b>17.350</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>850</b>	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo						<b>17.350</b>	<b>15.000</b>			<b>17.350</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>850</b>	<b>17.350</b>	<b>15.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500</b>	<b>850</b>	
1.1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến cấp rạch Sao Sáo bờ bắc (nối tiếp); tuyến từ vàm Cái Cao - ngã ba Bào Càng (nối tiếp); tuyến cấp rạch Mật Cật; tuyến Rạch Miếu.	xã Xuân Hòa	1.470mx2,5 m; 5.926mx2m;	2022		QĐ số 166/QĐ-UBND, ngày 20/6/2022	8.500	7.500			8.500	7.500		750	250	8.500	7.500		750	250	
1.2	Đường giao thông nông thôn xã Nhơn Mỹ, Đường cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Bắc) A31, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàng (Bờ Bắc) A35, Đường Rạch Mương Khai - Rạch Bàng (Bờ Nam) A36, Đường Cấp Rạch Mương Siêu (Bờ Nam) A32.	xã Nhơn Mỹ	6.190m x 2,5m	2022		QĐ số 167/QĐ-UBND, ngày 20/6/2022	8.850	7.500			8.850	7.500		750	600	8.850	7.500		750	600	
<b>II</b>	<b>Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>						<b>15.292</b>	<b>13.902</b>			<b>15.292</b>	<b>13.902</b>	<b>1.390</b>			<b>1.326</b>	<b>1.205</b>	<b>121</b>			
1	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững						<b>15.292</b>	<b>13.902</b>			<b>15.292</b>	<b>13.902</b>	<b>1.390</b>			<b>1.326</b>	<b>1.205</b>	<b>121</b>			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2021		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch năm 2022					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14	15	16	17	18	19
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	Tỉnh Sóc Trăng.				QĐ số 2151/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	15.292	13.902			15.292	13.902	1.390			1.326	1.205	121			

